

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH TRƯNG TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-CDYT ngày 28/7/2025

Ngành 6720301 Cao đẳng Điều dưỡng

Tổng số: 70

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	101	Nguyễn Ngọc		Dương	Nam	1901		2022	19025	2	6.9	7.1	7.9	22.2
2	1127	Nguyễn Hà Ngọc		Đức	Nam	1902		2022	18069	1	5.9	6.2	6.2	19.1
3	1169	Nguyễn Thanh		Thảo	Nữ	1903		2025	19027	2	7.9	8.1	8.4	24.7
4	1233	Nguyễn Thị		Tuyết	Nữ	1904		2025	19015	2NT	6.5	6.8	7.2	21.0
5	1243	Nguyễn Thị Thuỳ		Dương	Nữ	1905		2025	19025	2	7.3	7.5	7.5	22.6
6	1285	Nguyễn Thanh		Trúc	Nữ	1906		2025	19050	2	7.6	7.3	7.8	22.9
7	1324	Nguyễn Văn		Thịnh	Nam	1907		2025	19069	2NT	6.7	6.9	7.6	21.7
8	1335	Đàm Thị		Thọ	Nữ	1908		2020	6018	1	7.1	6.9	7.0	21.8
9	1371	Nguyễn Thị		Phượng	Nữ	1909		2024	19014	2NT	7.5	7.2	7.8	23.0
10	1381	Nguyễn Thu		Ánh	Nữ	1910		2025	19019	2NT	7.6	7.9	7.8	23.8
11	1382	Nguyễn Thị Quỳnh		Trang	Nữ	1911		2025	19027	2	8.2	8.2	8.2	24.9
12	1385	Nguyễn Phúc Hoàng		Châu	Nữ	1912		2025	19027	2	7.8	7.7	8.0	23.7
13	1420	Nguyễn Ngọc		Anh	Nữ	1913		2025	1232	2	6.7	6.8	8.1	21.9

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
14	1423	Hoàng Thu	Thủy	04/01/2007	Nữ	1914		2025	19010	2NT	8.3	8.5	8.1	25.4
15	1429	Nguyễn Thị Thanh	Thư	07/01/2007	Nữ	1915		2025	19010	2NT	6.9	7.2	7.1	21.7
16	1431	Nguyễn Vũ Hải	Yến	05/11/2007	Nữ	1916		2025	19036	2	7.0	7.0	8.1	22.4
17	1462	Hà Ngọc	Ánh	23/11/2007	Nữ	1917		2025	19019	2NT	6.7	7.2	6.9	21.3
18	1466	Nguyễn Quỳnh	Anh	21/08/2007	Nữ	1918		2025	19047	2NT	6.6	6.0	7.9	21.0
19	1476	Nguyễn Ngọc	Hùng	10/11/2007	Nam	1919		2025	19035	2NT	6.5	7.0	7.8	21.8
20	1481	Ngọc Mai Diệu	Châu	17/01/2007	Nữ	1920		2025	17082	1	7.3	7.8	8.6	24.5
21	1483	Phạm Thị Thúy	Kiều	03/08/2006	Nữ	1921		2024	19027	2	7.8	7.7	7.9	23.7
22	1491	Vương Như	Anh	24/11/2007	Nữ	1922		2025	19014	2NT	7.5	7.7	8.1	23.8
23	1516	Nguyễn Thị Mai	Trang	23/06/2007	Nữ	1923		2025	19014	2NT	7.9	7.8	7.7	23.9
24	1519	Lê Nam	Anh	12/10/2007	Nam	1924		2025	19001	2	6.8	7.0	8.1	22.2
25	1551	Nguyễn Thị	Huyền	06/10/2007	Nữ	1925		2025	19027	2	7.7	7.9	7.9	23.8
26	1688	Nguyễn Thị Linh	Chi	13/12/2007	Nữ	1926		2025	19014	2NT	7.8	8.3	7.6	24.2
27	1556	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/10/2007	Nữ	1927		2025	19064	2	6.9	6.9	7.7	21.7
28	1575	Nguyễn Thế	Thúc	25/03/2004	Nam	1928		2022	19018	2NT	6.8	7.3	7.9	22.5
29	1583	Nguyễn Quỳnh	Anh	19/09/2007	Nữ	1929		2025	19031	2	7.2	7.7	8.3	23.5
30	1584	Cao Mai	Trang	26/07/2007	Nữ	1930		2025	19014	2NT	7.1	7.1	7.8	22.5
31	1626	Ngô Thị Thanh	Hương	02/11/1995	Nữ	1931		2013	19036	2	6.7	6.7	6.9	20.6
32	1623	Mai Lan	Anh	20/05/2007	Nữ	1932		2025	19019	2NT	7.9	8.0	8.3	24.7
33	1644	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	26/11/2007	Nữ	1933		2025	19014	2NT	6.6	7.3	6.7	21.1
34	1659	Nguyễn Văn	Dũng	20/02/2007	Nam	1934		2025	19010	2NT	7.6	7.6	7.3	23.0

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
35	1677	Nguyễn Đình Hải	Phong	28/12/2007	Nam	1935		2025	19014	2NT	6.6	7.1	6.9	21.0
36	1681	Trần Thị Thu	Hiền	30/04/2005	Nữ	1936		2023	19017	2	7.7	8.1	8.1	24.2
37	1749	Nguyễn Văn	Thế	16/06/2007	Nữ	1937		2025	19049	2NT	7.1	7.7	8.2	23.6
38	1701	Nguyễn Thị Vân	Lý	24/06/2007	Nữ	1938		2025	19024	2NT	7.5	7.7	7.7	23.4
39	1708	Nguyễn Thị	Hải	03/12/2007	Nữ	1939		2025	19025	2	7.7	7.8	8.4	24.2
40	1724	Nguyễn Thị	Huyền	09/12/2007	Nữ	1940		2025	19050	2	6.9	7.3	7.7	22.2
41	1729	Lê Thúy	Nga	16/06/2007	Nữ	1941		2025	19023	2NT	7.4	7.9	8.0	23.8
42	1738	Lục Đức	Duy	11/08/2007	Nam	1942		2025	19031	2	6.2	7.7	8.4	22.6
43	1755	Nguyễn Phương	Thanh	29/12/2005	Nữ	1943		2023	19054	2NT	5.9	6.2	8.0	20.6
44	1780	Nguyễn Thủy	Ngân	25/02/2007	Nữ	1944		2025	19025	2	7.3	8.0	8.1	23.7
45	1925	Lê Thị	Thảo	23/05/2007	Nữ	1945		2025	19041	2	6.3	7.2	7.8	21.6
46	1796	Nguyễn Kim	Ngân	09/12/2007	Nữ	1946		2025	19036	2	7.5	7.7	8.3	23.8
47	1799	Nguyễn Thị Hà	Phuong	16/03/2007	Nữ	1947		2025	19014	2NT	8.0	8.1	8.3	24.9
48	1820	Thân Thị Bích	Hà	20/07/2006	Nữ	1948		2024	19047	2NT	6.9	7.2	7.7	22.3
49	1829	Bùi Thị	Thảo	26/08/2001	Nữ	1949		2019	21018	2	6.9	7.3	6.6	21.1
50	1854	Nguyễn Hà	Linh	27/03/2007	Nữ	1950		2025	19049	2NT	7.6	8.1	8.0	24.2
51	1859	Chu Hồng	Ánh	07/03/2007	Nữ	1951		2025	19036	2	7.2	7.2	8.2	22.9
52	1873	Vũ Thúy	Hằng	09/02/2007	Nữ	1952		2025	19036	2	7.0	7.1	8.3	22.7
53	1886	Nguyễn Thị	Ngọc	27/10/2007	Nữ	1953		2025	19025	2	7.5	7.7	7.8	23.3
54	1914	Ngô Thị Diễm	Quỳnh	28/02/2007	Nữ	1954		2025	19027	2	7.8	8.2	8.3	24.6
55	1919	Nguyễn Thị Bích	Ngân	18/05/2007	Nữ	1955		2025	19035	2NT	7.3	7.4	7.9	23.1

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
56	1943	Nguyễn Thị		Nhã	Nữ	1956		2025	19049	2NT	7.3	7.5	7.7	23.0
57	1948	Nguyễn Thị Xuân		Loan	Nữ	1957		2025	19023	2NT	6.5	7.2	6.8	21.0
58	1955	Nguyễn Thị Hồng		Nhung	Nữ	1958		2025	19019	2NT	6.8	7.1	7.3	21.7
59	1958	Đương Triệu		Ngọc	Nam	1959		2025	19014	2NT	7.2	7.3	7.5	22.5
60	1965	Lê Thị Thu		Phuong	Nữ	1960		2025	19054	2NT	5.8	5.9	7.9	20.2
61	1968	Viêm Thị Hải		Ly	Nữ	1961		2025	19050	2	7.6	7.7	8.3	23.9
62	1969	Trần Thị Thùy		Dung	Nữ	1962		2025	19035	2NT	7.8	7.8	8.2	24.3
63	1981	Lê Thị Lan		Anh	Nữ	1963		2025	19019	2NT	8.2	8.2	8.2	25.1
64	1985	Trần Thị		Huyền	Nữ	1964		2025	19033	2NT	7.9	8.3	8.0	24.7
65	1986	Phạm Thị Quỳnh		Chi	Nữ	1965		2025	19014	2NT	7.4	7.8	7.5	23.2
66	1999	Nguyễn Thị Ánh		Dương	Nữ	1966		2025	19038	2NT	6.4	6.1	7.5	20.5
67	2000	Kiều Thị Ngọc		Bích	Nữ	1967		2025	19038	2NT	6.4	6.1	7.5	20.5
68	2001	Phạm Thị Đào Như		Quỳnh	Nữ	1968		2025	19014	2NT	7.8	7.8	7.8	23.9
69	2005	Nguyễn Thị Mai		Hoa	Nữ	1969		2025	19042	2NT	7.1	7.5	7.9	23.0
70	2020	Trần Thị Khánh		Linh	Nữ	1970		2025	19027	2	7.9	8.2	7.9	24.3

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-CĐYT ngày 28/7/2025

Ngành 6720201 Cao đẳng Dược
Tổng số: 29

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	945	Vũ Phương	Thảo	15/10/2007	Nữ	1971		2025	19048	2NT	6.2	7.1	6.9	20.7
2	1230	Lò Văn	Huy	22/08/2006	Nam	1972		2024	14014	1	6.9	7.2	7.3	22.2
3	1291	Mạ Khánh	Linh	06/12/2007	Nữ	1973		2025	9031	1	6.2	7.0	7.5	21.5
4	1359	Vũ Thuý	Ngân	26/10/2006	Nữ	1974		2024	19022	2NT	7.0	7.5	7.6	22.6
5	1375	Đỗ Thị	Huệ	15/04/2006	Nữ	1975		2024	19010	2NT	6.8	7.5	7.8	22.6
6	1414	Nguyễn Tiến	Bắc	24/11/2006	Nam	1976		2024	19035	2NT	7.7	8.8	9.0	26.0
7	1419	Vũ Thị Hồng	Ngọc	22/04/2007	Nữ	1977		2025	18030	1	6.5	7.0	7.7	22.0
8	1482	Lê Trang	Nhung	08/02/2007	Nữ	1978		2025	19050	2	7.4	7.0	7.8	22.4
9	1492	Nguyen Van Duy	Anh	10/01/2007	Nam	1979		2025	19031	2	5.9	6.9	8.5	21.6
10	1507	Nguyễn Thị Minh	Hiền	05/10/2005	Nữ	1980		2023	19012	2	8.0	8.0	8.3	24.6
11	1536	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	31/10/2007	Nữ	1981		2025	19021	2NT	6.7	6.6	6.8	20.6
12	1598	Nguyễn Thị	Oanh	02/03/2007	Nữ	1982		2025	19027	2	7.7	7.7	7.7	23.4
13	1675	Trần Thị	Uyên	24/05/2007	Nữ	1983		2025	19043	2NT	6.4	6.5	8.0	21.4

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
14	1747	Nguyễn Hoàng		Son	Nam	1984		2023	17004	2	7.5	7.9	7.6	23.3
15	1754	Nguyễn Thị		Mai	Nữ	1985		2024	19026	2NT	7.4	7.6	8.0	23.5
16	1768	Đinh Thị Thu		Hằng	Nữ	1986		2023	19040	2NT	7.0	7.0	7.6	22.1
17	1774	Nguyễn Thị		Linh	Nữ	1987		2025	19010	2NT	6.3	6.8	6.7	20.3
18	1869	Nguyễn Lan		Huong	Nữ	1988		2025	19027	2	7.5	7.6	7.7	23.1
19	1887	Nguyễn Thị Diệu		Huong	Nữ	1989		2025	18023	1	6.4	6.3	7.1	20.6
20	1901	Nguyễn Thủy		Tiên	Nữ	1990		2025	19010	2NT	7.1	7.2	8.1	22.9
21	1908	Nguyễn Thành		Đạt	Nam	1991		2025	19022	2NT	7.3	7.5	7.0	22.3
22	1918	Tống Thị		Thương	Nữ	1992		2025	19042	2NT	6.3	6.4	7.3	20.5
23	1942	Nguyễn Thủy		Hương	Nữ	1993		2025	19025	2	7.6	8.1	8.5	24.5
24	1947	Nguyễn Hà		Anh	Nữ	1994		2025	19031	2	5.9	7.0	7.9	21.1
25	1977	Ngô Thị Khánh		Ly	Nữ	1995		2025	19025	2	7.3	7.9	8.0	23.5
26	1979	Chữ Thủy		Trang	Nữ	1996		2025	19036	2	7.4	7.6	8.2	23.5
27	1980	Nguyễn Khánh		Chi	Nữ	1997		2025	19027	2	7.3	7.6	7.8	23.0
28	1991	Đàm Thị Mai		Anh	Nữ	1998		2025	19023	2NT	7.3	7.9	8.0	23.7
29	1993	Vương Thị Thu		Trang	Nữ	1999		2025	19023	2NT	7.0	7.4	7.2	22.1

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-CDYT ngày 28/7/2025

Ngành 6720101 Cao đẳng Y sỹ đa khoa

Tổng số: 25

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	916	Nguyễn Đăng	Mạnh	05/03/2006	Nam	2000		2024	19033	2NT	8.3	8.2	8.0	25.0
2	967	Đinh Thị	Vân	17/10/1992	Nữ	2001		2010	19024	2NT	6.4	7.1	6.9	20.9
3	1118	Trần Mạnh	Quỳnh	17/08/2006	Nam	2002		2024	18063	2NT	7.1	7.3	7.6	22.5
4	1162	Phạm Trung	Kiên	19/03/2007	Nam	2003		2025	19030	2NT	7.4	7.6	8.3	23.8
5	1165	Vũ Kim	Huệ	18/08/2006	Nữ	2004		2024	19027	2	7.9	8.0	8.2	24.4
6	1222	Nguyễn Thị	Hạnh	20/02/2006	Nữ	2005		2024	19024	2NT	7.8	7.6	7.7	23.6
7	1226	Nguyễn Hải	An	31/07/2007	Nam	2006		2025	19030	2NT	7.3	7.5	7.9	23.2
8	1254	Nguyễn Thuỳ	Linh	29/10/2007	Nữ	2007		2025	19014	2NT	8.1	8.6	8.5	25.7
9	1296	Trần Đình	Nam	18/06/2007	Nam	2008		2025	19012	2	7.4	7.4	7.7	22.8
10	1386	Đặng Thu	Phuong	12/12/2007	Nữ	2009		2025	19015	2NT	7.1	7.4	7.9	22.9
11	1389	Trần Thị Phương	Linh	12/05/2007	Nữ	2010		2025	19012	2	8.3	8.3	8.5	25.4
12	1440	Ngô Ngọc	Quỳnh	05/08/2007	Nữ	2011		2025	19031	2	6.5	7.1	8.5	22.4
13	1480	Dương Đức	Mạnh	03/10/2007	Nam	2012		2025	18074	1	6.5	6.4	7.1	20.8

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
14	1517	Nguyễn Thị Ngọc		Anh	Nữ	2013		2025	19019	2NT	6.9	7.5	7.3	22.2
15	1525	Trịnh Vũ Khánh		Linh	Nữ	2014		2025	19032	2NT	7.3	7.2	8.0	23.0
16	1611	Mẫn Bá		Vương	Nam	2015		2025	19032	2NT	7.3	7.2	8.1	23.1
17	1680	Trịnh Thị Phương		Linh	Nữ	2016		2025	19011	2NT	7.7	8.6	8.3	25.1
18	1716	Ngô Thị Khánh		Ly	Nữ	2017		2025	19022	2NT	7.9	7.9	7.8	24.1
19	1751	Đỗ Quang		Huy	Nam	2018		2018	17005	2	7.2	7.0	7.2	21.7
20	1764	Nguyễn Mạnh		Huân	Nam	2019		2025	19022	2NT	7.0	7.7	8.6	23.8
21	1767	Nguyễn Ngọc Mai		Anh	Nữ	2020		2025	19012	2	7.0	7.6	7.6	22.5
22	1787	Phan Trọng		Nghĩa	Nam	2021		2023	19013	2	8.5	8.5	8.7	26.0
23	1813	Nguyễn Lưu Thành		Chuẩn	Nam	2022		2025	19015	2NT	6.6	6.3	7.1	20.5
24	1830	Lê Tiến		Đức	Nam	2023		2021	19035	2NT	7.6	7.9	8.2	24.2
25	1832	Trần Quốc		Toàn	Nam	2024		2025	19032	2NT	6.9	6.9	7.5	21.8

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-CDYT ngày 28/7/2025

Ngành 6720603 Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng
Tổng số: 5

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	1407	Nguyễn Hồng		14/11/2007	Nam	2025		2025	1207	3	7.3	7.6	7.9	22.8
2	1446	Trần Nguyễn Ngọc		09/11/2007	Nữ	2026		2025	19017	2	7.9	7.5	7.6	23.3
3	1725	Bùi Thu		16/12/2007	Nữ	2027		2025	19010	2NT	8.4	8.7	8.9	26.5
4	1920	Nguyễn Thị Ngọc		20/03/2007	Nữ	2028		2025	19035	2NT	7.1	8.1	8.3	24.0
5	1930	Nguyễn Thị Kim		27/10/2007	Nữ	2029		2025	19049	2NT	7.8	7.4	7.4	23.1

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-CDYT ngày 28/7/2025

Ngành 6720102 Cao đẳng Y học cổ truyền
Tổng số: 18

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	930	Vy Văn	Hoàng	08/12/1998	Nam	2030		2016	10033	1	5.9	5.9	5.9	18.5
2	1133	Phạm Thị Thu	Quỳnh	29/07/1999	Nữ	2031		2017	18019	1	7.0	7.0	7.4	22.2
3	1151	Mai Thị Thu	Thủy	03/02/1991	Nữ	2032		2009	19019	2NT	6.8	6.5	6.8	20.6
4	1244	Đinh Quốc	An	22/09/2007	Nam	2033		2025	19015	2NT	6.4	5.8	6.9	19.6
5	1297	Trần Văn	Hiếu	28/12/2006	Nam	2034		2024	18022	1	5.3	6.2	7.6	19.9
6	1334	Phạm Văn	Phúc	23/06/2007	Nam	2035		2025	18017	1	6.7	6.9	7.1	21.5
7	1504	Lưu Ngọc	Ánh	15/10/2007	Nữ	2036		2025	19027	2	7.8	8.1	8.5	24.7
8	1515	Từ Phương	Yến	20/07/2007	Nữ	2037		2025	18030	1	7.3	7.1	8.0	23.2
9	1522	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/10/2004	Nữ	2038		2022	19066	2NT	6.7	7.0	7.5	21.7
10	1748	Nguyễn Thị	Tú	02/11/1989	Nữ	2039		2007	19020	2NT	6.6	6.3	6.5	19.9
11	1758	Nguyễn Thành	Hùng	18/06/2007	Nữ	2040		2025	19041	2	5.9	5.9	7.3	19.4
12	1762	Vũ Thị Thanh	Tâm	23/11/2007	Nữ	2041		2025	19064	2	6.9	6.9	7.7	21.8
13	1785	Lê Văn	Anh	05/08/2007	Nam	2042		2025	19010	2NT	6.5	6.2	6.9	20.1

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
14	1802	Nguyễn Duy	Chiến	17/10/2007	Nam	2043		2025	1230	2	7.5	8.1	8.7	24.5
15	1816	Nguyễn Hữu	Huy	19/11/2007	Nam	2044		2025	19035	2NT	7.8	8.2	8.3	24.8
16	1823	Đinh Thị Quỳnh	Hương	29/06/2007	Nữ	2045		2025	19010	2NT	6.6	6.9	6.8	20.8
17	1831	Nguyễn Đình	Đạt	02/05/2007	Nam	2046		2025	19027	2	7.5	7.6	7.6	23.0
18	1840	Nguyễn Đức	Nam	18/04/2007	Nữ	2047		2025	18067	2	5.2	5.4	6.9	17.8